

NỘI DUNG ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2018
CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

I. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH SINH VIÊN PHẢI TRÌNH BÀY ĐƯỢC KHI THI

1.1. Đại cương về nhóm thuốc

- Đặc điểm về cấu trúc chung của nhóm
- Phân loại
- Tác dụng chung của nhóm và cơ chế tác dụng, nguyên tắc sử dụng chung của cả nhóm (nếu có)
- Tác dụng không mong muốn
- Chỉ định điều trị

1.2. Các thuốc cụ thể

1.2.1. Thuốc có nguồn gốc hoá dược

- Tên quốc tế, tên khác (nếu có)
- Nguồn gốc
- Tính chất lý hoá
- Phương pháp định tính, định lượng
- Tác dụng
- Chỉ định điều trị
- Tác dụng không mong muốn
- Chống chỉ định
- Dạng bào chế và biệt dược thường gặp (hoặc công thức điển hình)
 - + Đặc điểm công thức
 - + Vai trò các thành phần
 - + Kỹ thuật bào chế
- Các quy chế liên quan:
 - + Quy định quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt
 - + Quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú
 - + Quy định sử dụng thuốc trong cơ sở y tế có giường bệnh

1.2.2. Thuốc có nguồn gốc dược liệu

- Tên cây thuốc (*Tên, họ Việt Nam ; tên, họ La tinh*)
- Phân bố

- Bộ phận dùng
- Kể tên các thành phần hóa học chính
- Phương pháp chế biến và bảo quản
- Công dụng, cách dùng và liều dùng

II- NHỮNG NHÓM THUỐC VÀ THUỐC CỤ THỂ

2.1. Thuốc có nguồn gốc hoá dược

| | Nhóm thuốc | Thuốc cụ thể |
|-----|---|--|
| 1. | <i>Thuốc hạ sốt giảm đau</i> | Aspirin (Acid acetyl salicylic) Paracetamol (Acetaminophen) |
| 2. | <i>Thuốc giảm đau gây nghiện</i> | Morphin |
| 3. | <i>Thuốc lợi tiểu</i> | Furosemid Hydrochlorothiazid |
| 4. | <i>Thuốc điều trị tăng huyết áp</i> | Captopril Amlodipin |
| 5. | <i>Thuốc chống viêm không steroid</i> | Ibuprofen Diclofenac |
| 6. | <i>Thuốc an thần, gây ngủ</i> | Diazepam Phenobarbital |
| 7. | <i>Thuốc phòng và điều trị sốt rét</i> | Quinin Artemisinin và dẫn chất |
| 8. | <i>Thuốc chữa giun sán</i> | Albendazol Niclosamid |
| 9. | <i>Các vitamin</i> | Vitamin B ₁ (Thiamin) Vitamin B ₆ (Pyridoxin) Vitamin C (Acid ascorbic) Vitamin A (Retinol) |
| 10. | <i>Kháng sinh nhóm betalactam</i> | Benzyl penicilin (Penicilin G) Ceftriaxon Amoxicilin Cephalexin Cefuroxim |
| 11. | <i>Kháng sinh nhóm aminosid</i> | Gentamicin |
| 12. | <i>Kháng sinh nhóm macrolid</i> | Clarithromycin |
| 13. | <i>Các chất kháng khuẩn nhóm quinolon</i> | Acid nalidixic Ciprofloxacin |

| | | |
|-----|---|---|
| 14. | Thuốc chống viêm nhóm Steroid | Hydrocortison (cortisol) Prednisolon Dexamethason |
| 15. | Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng | Ranitidin Omeprazol |
| 16. | Thuốc điều trị ho - hen | Codein Salbutamol |
| 17. | Thuốc điều trị bệnh đái tháo đường | Metformin Glibenclamid |

2.2. Thuốc có nguồn gốc dược liệu

| STT | Dược liệu | STT | Dược liệu |
|-----|-----------|-----|-----------------|
| 1 | Bạch chỉ | 11 | Canhkina |
| 2 | Bạc hà | 12 | Đại hồi |
| 3 | Mã đề | 13 | Hoàng liên |
| 4 | Hoè | 14 | Hoàng bá |
| 5 | Quế | 15 | Hương nhu trắng |
| 6 | Mã tiền | 16 | Cà độc dược |
| 7 | Kim ngân | 17 | Bách bộ |
| 8 | Trúc đào | 18 | Cam thảo bắc |
| 9 | Sen | 19 | Ma hoàng |
| 10 | Bình vôi | 20 | Dừa cạn |

(17 Nhóm thuốc: 37 Hoá dược; 20 Dược liệu)

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải